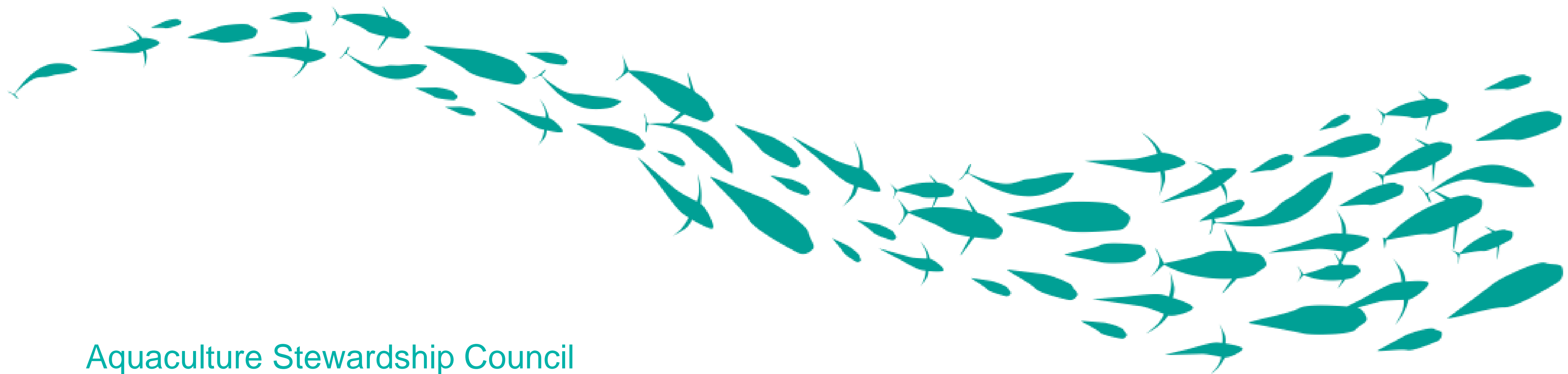


# Tham vấn cộng đồng V Tiêu chuẩn trại nuôi ASC



**Tháng 3/2022**



Aquaculture Stewardship Council  
[www.asc-aqua.org](http://www.asc-aqua.org)

## Nguyên tắc 1

### (UOC) HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH HIỆU QUẢ



## Ý nghĩa của nguyên tắc

Nguyên tắc này yêu cầu các đơn vị được cấp chứng nhận phải hoạt động hợp pháp và có đạo đức, đồng thời quản lý kinh doanh hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của ASC trong suốt thời gian chứng nhận có hiệu lực.

	Tiêu chí	Thông tin liên hệ
1.1	Tuân thủ pháp luật	Clare Stevens – <a href="mailto:Clare.Stevens@asc-aqua.org">Clare.Stevens@asc-aqua.org</a>
1.2	Hệ thống quản lý	
1.3	Đạo đức kinh doanh	
1.4	Truy xuất nguồn gốc và công bố minh bạch	Wendy Banta – <a href="mailto:Wendy.Banta@asc-aqua.org">Wendy.Banta@asc-aqua.org</a>

## Nguyên tắc 1

### TIÊU CHÍ 1.1 – TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



#### Cơ sở lý luận

- Tuân thủ pháp luật là nền tảng cho sự phát triển của nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm với xã hội và môi trường, và là yếu tố cần thiết để hoạt động kinh doanh được quản lý hiệu quả và duy trì bền vững. Tất cả trại nuôi được cấp chứng nhận ASC phải tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. Các yêu cầu của ASC sẽ được áp dụng nếu các yêu cầu này bảo vệ môi trường và xã hội hiệu quả hơn quy định pháp luật hiện hành.

#### Mục đích

- Trại nuôi tuân thủ các luật và quy định hiện hành, cũng như sở hữu đầy đủ các giấy phép hợp pháp theo luật định.

## Nguyên tắc 1

### TIÊU CHÍ 1.1 – TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



#### Những thay đổi quan trọng

- Luật môi trường và luật lao động đã được chuyển từ Nguyên tắc 2 (Tiêu chí 2.1) và Nguyên tắc 3 (Tiêu chí 3.1) sang tiêu chí này.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- ASC có cần nêu rõ những luật và quy định nào được "áp dụng" trong quá trình cấp chứng nhận ASC không, hay cụm từ "tất cả luật và quy định liên quan đến môi trường và lao động" là đã đủ?

## Nguyên tắc 1

### TIÊU CHÍ 1.2 – HỆ THỐNG QUẢN LÝ



#### Cơ sở lý luận

- Việc triển khai một hệ thống quản lý cho phép trại nuôi lên kế hoạch, triển khai và giám sát tính tuân thủ với Tiêu chuẩn trại nuôi ASC. Hệ thống quản lý bao gồm các chính sách, thủ tục và quy trình.

#### Mục đích

- Trại nuôi xây dựng một hệ thống quản lý để có thể liên tục triển khai, xác nhận và chứng minh trại nuôi tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của ASC.

#### Những thay đổi quan trọng

- Không có thay đổi quan trọng.

## Nguyên tắc 1

### TIÊU CHÍ 1.3 – ĐẠO ĐỨC KINH DOANH



#### Cơ sở lý luận

- Tham nhũng, hối lộ, trình bày sai sự thật và làm sai hồ sơ sẽ làm xói mòn lòng tin, làm suy yếu nền dân chủ, và làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng, nghèo đói, chia rẽ trong xã hội và khủng hoảng môi trường.
- Việc kinh doanh không đạo đức cũng gây ảnh hưởng đến người lao động, khiến họ suy giảm tinh thần làm việc, không tin tưởng lẫn nhau và thiếu trách nhiệm ở nơi làm việc.

#### Mục đích

- Trại nuôi phải đảm bảo môi trường kinh doanh và môi trường hoạt động có đạo đức.

## Nguyên tắc 1

### TIÊU CHÍ 1.3 – ĐẠO ĐỨC KINH DOANH



#### Những thay đổi quan trọng

- Bổ sung Tiêu chí 1.3 bao gồm các quy định về tham nhũng, hối lộ và trình bày sai sự thật (phù hợp với SSCI).

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Tiêu chí này yêu cầu trại nuôi ngăn chặn các hành vi tham nhũng, tống tiền, tham ô hoặc hối lộ, đảm bảo hồ sơ không bị làm sai, thao túng và thông tin không bị trình bày sai sự thật. Quy định này có gây khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ không?
- Các quy định trong tiêu chí này có nên được xem là quy định quan trọng không? Nghĩa là, nếu phát hiện bất kỳ hành vi không tuân thủ nào đối với quy định này, thì trại nuôi sẽ bị đình chỉ chứng nhận ngay lập tức?

## Nguyên tắc 1

## TIÊU CHÍ 1.4 – TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ CÔNG BỐ MINH BẠCH



### Cơ sở lý luận

- Việc truy xuất nguồn gốc cho phép người dùng cuối tiếp cận các thông tin liên quan đến các tuyên bố về tính bền vững. Để đảm bảo các sản phẩm đạt chứng nhận ASC được công bố chính xác và tách biệt với các sản phẩm không đạt chứng nhận, hệ thống truy xuất nguồn gốc và quy trình Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) phải được triển khai.

### Mục đích

- Trại nuôi đảm bảo sản phẩm được bán dưới dạng sản phẩm đạt chứng nhận ASC phải đáp ứng các yêu cầu về sự phù hợp, công bố chính xác và truy xuất nguồn gốc.



## Nguyên tắc 1

## TIÊU CHÍ 1.4 – TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ CÔNG BỐ MINH BẠCH



### Những thay đổi quan trọng

- Các nội dung bổ sung đề xuất trong phần 1.4 đã đề cập việc truy xuất nguồn gốc tại nguồn – các trại nuôi ASC, để củng cố khả năng truy xuất nguồn gốc toàn diện trong toàn bộ chuỗi cung ứng, hỗ trợ các tuyên bố đạt chứng nhận ở mọi bước trong chuỗi. Nội dung bao gồm sử dụng thức ăn tuân thủ ASC được cung cấp bởi nhà máy chế biến thức ăn được cấp chứng nhận ASC.

### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC khuyến khích các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi dùng mô hình phân loại nguyên liệu (nghĩa là thức ăn chỉ chứa các thành phần đủ điều kiện). Tuy nhiên, hiện tại các nhà máy cũng có thể sử dụng mô hình cân bằng khối lượng (mô hình trộn lẫn giữa nguyên liệu đủ điều kiện và không đủ điều kiện). Liệu rằng có cần thiết phân biệt trong số các sản phẩm đạt chứng nhận ASC, đâu là 'cá nuôi bằng thức ăn sản xuất theo mô hình phân loại nguyên liệu tuân thủ ASC' và 'cá nuôi bằng thức ăn sản xuất theo mô hình cân bằng khối lượng tuân thủ ASC' hay không

## Nguyên tắc 2

### (UOC) HOẠT ĐỘNG MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG



## Ý nghĩa của nguyên tắc

Nuôi trồng thủy sản, giống như các hệ thống sản xuất thực phẩm khác, đều phụ thuộc vào dịch vụ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào và tiếp nhận chất thải đầu ra. Nếu không quản lý tốt và sử dụng quá mức các dịch vụ môi trường (các dịch vụ nhằm khai thác hiệu quả và bảo vệ môi trường), thì có thể khiến dịch vụ hoạt động quá công suất, dẫn đến các tác động tiêu cực đến môi trường.

	Tiêu chí	Thông tin liên hệ
2.2	Môi trường sống quan trọng về mặt sinh thái	Jill Swasey – <a href="mailto:Jill.Swasey@asc-aqua.org">Jill.Swasey@asc-aqua.org</a>
2.3	Tương tác với động vật hoang dã	
2.4	Loài ngoại lai	Renee Hamel – <a href="mailto:Renee.Hamel@asc-aqua.org">Renee.Hamel@asc-aqua.org</a>
2.5	Xông thoát	Michiel Fransen – <a href="mailto:Michiel.Fransen@asc-aqua.org">Michiel.Fransen@asc-aqua.org</a>
2.6	Tác động đến vùng đáy	Javier Unibazo – <a href="mailto:Javier.Unibazo@asc-aqua.org">Javier.Unibazo@asc-aqua.org</a>
2.7	Chất lượng nước	

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ



	Tiêu chí	Thông tin liên hệ
2.8	Xâm nhập mặn	Renee Hamel - <a href="mailto:Renee.Hamel@asc-aqua.org">Renee.Hamel@asc-aqua.org</a>
2.9	Chất rắn sinh học	Kathrin Steinberg – <a href="mailto:Kathrin.Steinberg@asc-aqua.org">Kathrin.Steinberg@asc-aqua.org</a>
2.10	Sử dụng nước ngọt	Katherine Dolmage – <a href="mailto:Katherine.Dolmage@asc-aqua.org">Katherine.Dolmage@asc-aqua.org</a>
2.11	Sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính	Robert Parker – <a href="mailto:Robert.Parker@asc-aqua.org">Robert.Parker@asc-aqua.org</a>
2.12	Sử dụng vật liệu, kiểm soát chất thải và ô nhiễm	Javier Unibazo – <a href="mailto:Javier.Unibazo@asc-aqua.org">Javier.Unibazo@asc-aqua.org</a>
2.13	Thức ăn chăn nuôi	Alexandra Warrington – <a href="mailto:Alexandra.Warrington@asc-aqua.org">Alexandra.Warrington@asc-aqua.org</a>
2.14	Sức khỏe cá	Javier Unibazo - <a href="mailto:Javier.Unibazo@asc-aqua.org">Javier.Unibazo@asc-aqua.org</a>
2.15	Kiểm soát ký sinh trùng (bao gồm rận biển)	
2.16	Thuốc kháng sinh	Michiel Fransen - <a href="mailto:Michiel.Fransen@asc-aqua.org">Michiel.Fransen@asc-aqua.org</a>
2.17	Trại giống và điểm nuôi trung gian	Katherine Dolmage - <a href="mailto:Katherine.Dolmage@asc-aqua.org">Katherine.Dolmage@asc-aqua.org</a>
2.18	Quản lý theo vùng (ABM)	Michiel Fransen - <a href="mailto:Michiel.Fransen@asc-aqua.org">Michiel.Fransen@asc-aqua.org</a>

## Nguyên tắc 2

## TIÊU CHÍ 2.2 – MÔI TRƯỜNG SỐNG QUAN TRỌNG VỀ MẬT SINH THÁI



### Cơ sở lý luận

- Vùng đệm sinh thái giúp duy trì các chức năng thiết yếu của hệ sinh thái, ví dụ đảm bảo sinh vật có thể di chuyển và kiếm ăn trong môi trường sống.
- Ngành nuôi trồng thủy sản thường bố trí hoạt động ở gần môi trường sống nhạy cảm, cho nên có thể làm phá vỡ các chức năng này.

### Mục đích

- Giảm thiểu tác động của từng điểm nuôi để duy trì dịch vụ sinh thái của vùng đệm.

## Nguyên tắc 2

## TIÊU CHÍ 2.2 – MÔI TRƯỜNG SỐNG QUAN TRỌNG VỀ MẶT SINH THÁI



### Những thay đổi quan trọng

- Quy định chiều rộng vùng đệm tối thiểu dựa theo tình hình thực tế tại từng điểm nuôi, thay vì đặt ra một giới hạn toàn cầu.
- Áp dụng rộng rãi khung quản lý rủi ro (RMF) để xác định các yếu tố rủi ro liên quan đến môi trường sống.
- Tuân thủ hướng dẫn về HCV nếu bố trí hoạt động trong các khu vực có giá trị bảo tồn cao; tuân thủ hướng dẫn IUCN nếu bố trí hoạt động trong các khu bảo tồn.

### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Vùng đệm cần được xác định dựa trên chức năng sinh thái quan trọng, không phải theo một bộ các chỉ số chung.
- Tuân thủ hướng dẫn về HCV và hướng dẫn IUCN là tuyệt đối quan trọng để có thể tiếp cận và đánh giá tác động một cách nhất quán.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.3 – TƯƠNG TÁC VỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



#### Cơ sở lý luận

- Các biện pháp ngăn chặn động vật hoang dã là cần thiết để bảo vệ vật nuôi, nhưng thường gây tác động tiêu cực lên động vật hoang dã.
- Ngành nuôi trồng thủy sản có thể sử dụng quần thể động vật hoang dã với mục đích nhân giống hoặc thả giống.

#### Mục đích

- Giảm thiểu tương tác với động vật hoang dã, đảm bảo rủi ro gây xáo trộn động vật hoang dã ở mức thấp.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.3 – TƯƠNG TÁC VỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



#### Những thay đổi quan trọng

- Quy định tỷ lệ tử vong của động vật hoang dã bằng không, trừ trường hợp động vật bị thương nặng, sắp chết; đảm bảo sự an nguy của con người; luật pháp cho phép an tử.
- Cho phép sử dụng ADD có điều kiện (sử dụng công nghệ cảm âm dựa trên đánh giá rủi ro).
- Không sử dụng loài bị đe dọa hoặc cần được bảo vệ cho mục đích nhân giống và thả giống
- Mở rộng hoạt động đánh giá động vật hoang dã sinh sống quanh trại nuôi & triển khai các biện pháp giảm thiểu tương tác.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Việc động vật vô tình vướng vào bẫy (ví dụ như chim) thường rất khó để phòng tránh – có nên quy định giới hạn tử vong (của chim) > 0 hay không?

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.4 – LOÀI NGOẠI LAI



#### Cơ sở lý luận

- Ngành nuôi trồng thủy sản chủ yếu dựa vào việc nuôi trồng các loài ngoại lai.
- Nếu các loài ngoại lai xổng thoát ra ngoài môi trường, thì có thể gây ảnh hưởng đến môi trường sống hoang dã, làm xuất hiện tạp giao hoặc lây lan mầm bệnh.

#### Mục đích

- Không nuôi các loài ngoại lai – loài có khả năng hình thành loài mới trong khu vực.



## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.4 – LOÀI NGOẠI LAI



#### Những thay đổi quan trọng

- Các tiêu chuẩn ASC hiện tại vẫn cho phép nuôi loài ngoại lai.
- Nếu thỏa một trong (4) điều kiện, thì trại nuôi được phép nuôi loài ngoại lai mới.
- Xác định rủi ro xổng thoát cá nuôi và áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Hệ thống khép kín trên cạn (RAS) được xem là hệ thống hiệu quả trong việc ngăn chặn xổng thoát.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.5 – XỔNG THOÁT



#### Cơ sở lý luận

- Hiện tượng loài nuôi xổng thoát gây ra các rủi ro về môi trường và gây thiệt hại kinh tế cho trại nuôi, mặc dù tình trạng này phần lớn có thể ngăn chặn được.
- Các bên liên quan mong muốn có quy định đếm số lượng giống thả và ngưỡng xổng thoát, nhưng hiểu được khó khăn trong việc đếm đúng số lượng loài nuôi.

#### Mục đích

- Giảm thiểu tình trạng xổng thoát.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.5 – XỔNG THOÁT



#### Những thay đổi quan trọng

- Trại nuôi không nuôi lồng bè; không được phép để xảy ra sự cố xổng thoát hàng loạt hoặc sự cố xổng thoát lượng nhỏ & kéo dài.
- Trại nuôi lồng bè; 1 sự cố xổng thoát hàng loạt mỗi 9 năm, hoặc, 1 chu kỳ nuôi trồng có sự cố xổng thoát lượng nhỏ & kéo dài.
- Tất cả trại nuôi; tổn thất không tính được phải giảm xuống 1% trong chu kỳ 9 năm.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Nuôi trồng động vật biến đổi gene tiếp tục bị cấm, áp dụng với tất cả hệ thống nuôi trồng.
- Cần ý kiến đóng góp của các bên liên quan và kết quả thí điểm để xác minh tính khả thi của ngưỡng xổng thoát.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.6 – TÁC ĐỘNG ĐẾN VÙNG ĐÁY



#### Cơ sở lý luận

- Nếu lượng chất hữu cơ lắng xuống vùng đáy vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường, thì có thể gây hại đến hệ sinh thái nhận.
- Nhiều yếu tố cần được xem xét để xác định đúng tác động (ví dụ: độ sâu, dòng hải lưu, loại đáy biển, v.v.).

#### Mục đích

- Giảm thiểu rủi ro tác động của trại nuôi đến vùng đáy vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.6 – TÁC ĐỘNG ĐẾN VÙNG ĐÁY



#### Những thay đổi quan trọng

- Phương pháp lấy mẫu ba bậc được đề ra nhằm làm giảm gánh nặng tuân thủ cho trại nuôi; đồng thời nâng cao hiểu biết của trại nuôi về các tác động đến hệ sinh thái vùng đáy.
- Lấy mẫu bậc 3 và phương pháp thử nghiệm chỉ áp dụng khi mẫu bậc 1 và bậc 2 không thỏa yêu cầu đặt ra.
- Sửa đổi phương pháp đo sulfide tự do; trước đây phương pháp ISE được áp dụng, giờ là kỹ thuật quang phổ ( $S^{2-}_{UV}$ ).

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Áp dụng cho hệ thống nuôi lồng bè trên biển, bất kể loài nuôi.
- Yêu cầu về tác động vùng đáy nước ngọt đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.7 – CHẤT LƯỢNG NƯỚC



#### Cơ sở lý luận

- Nếu lượng chất dinh dưỡng giải phóng vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường, thì có thể gây hại đến hệ sinh thái nhận; tình trạng phú dưỡng
- Nhiều yếu tố cần được xem xét để xác định đúng tác động (ví dụ, lượng chất dinh dưỡng, tỷ lệ hấp thụ, v.v.).

#### Mục đích

- Giảm thiểu rủi ro trại nuôi giải phóng lượng chất dinh dưỡng vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.7 – CHẤT LƯỢNG NƯỚC



#### Những thay đổi quan trọng

- Đề xuất khái niệm liên quan đến hệ thống nuôi trồng mở – hồ và hồ chứa
- Đặt ra giới hạn theo từng điểm nuôi – dựa trên địa điểm bố trí trại nuôi, giám sát tác động và quản lý đầu vào/đầu ra.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Quy định về tác động của chất lượng nước lên hệ thống nuôi trồng trên đất liền vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.8 – XÂM NHẬP MẶN



#### Cơ sở lý luận

- Hiện tượng xâm nhập mặn đất và nước ngọt là vấn nạn toàn cầu, trực tiếp đe dọa đến an ninh lương thực.
- Hoạt động của ngành nuôi trồng thủy sản góp phần làm gia tăng tình trạng xâm nhập mặn bằng việc để nước thấm vào môi trường xung quanh, xả thải hoặc đưa nước mặn vào nước ngọt.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC không gây ra tình trạng xâm nhập mặn.



## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.8 – XÂM NHẬP MẶN



#### Những thay đổi quan trọng

- Độ mặn của nước xả ra ngoài môi trường phải nằm trong ngưỡng mặn của thủy vực (hoặc đất) nhận.
- Phải sử dụng tấm lót ao không làm bằng nhựa nếu nuôi thủy sản trên đất để thấm nước.
- Không xả nước thải trên mặt đất.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Không khuyến khích sử dụng tấm lót ao bằng nhựa do rủi ro trong việc sử dụng và xả thải loại vật liệu này.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.9 – CHẤT RẮN SINH HỌC



#### Cơ sở lý luận

- Việc xả thải chất rắn sinh học có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời làm hoang phí một loại tài nguyên.
- Nếu được quản lý tốt, thì chất rắn sinh học có thể được tái sử dụng làm phân bón hoặc cho các mục đích khác (ví dụ: biogas).

#### Mục đích

- Trại nuôi tăng mức độ tái sử dụng chất rắn sinh học và đảm bảo xử lý có trách nhiệm.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.9 – CHẤT RẮN SINH HỌC



#### Những thay đổi quan trọng

- Áp dụng cho tất cả hệ thống trên đất liền.
- Ưu tiên tái sử dụng, thay vì thải bỏ chất rắn sinh học.
- Công ty xử lý chất rắn sinh học phải hoạt động phù hợp với mục đích của tiêu chí.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Ưu tiên tái sử dụng, thay vì thải bỏ chất rắn sinh học.
- Mở rộng phạm vi mục tiêu, đối với cả hoạt động của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.10 – SỬ DỤNG NƯỚC NGỌT



#### Cơ sở lý luận

- Nước ngọt là nguồn tài nguyên có hạn.
- Đơn vị nuôi trồng thủy sản thường sử dụng chung nguồn nước với các đơn vị khác.

#### Mục đích

- Trại nuôi nhận thức được việc sử dụng nước trong quá trình nuôi trồng và sử dụng nước hiệu quả để duy trì các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng của nguồn nước.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.10 – SỬ DỤNG NƯỚC NGỌT



#### Những thay đổi quan trọng

- Ngưỡng đặt ra cho từng điểm nuôi được xác định dựa trên dòng chảy quan trọng của nguồn nước sử dụng.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Thử nghiệm nước giếng được pháp luật cho phép.
- ASC nhận thấy dòng chảy quan trọng là phương pháp đánh giá tác động hiệu quả hơn.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.11 – SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH



#### Cơ sở lý luận

- Để thích ứng với biến đổi khí hậu, cần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch và giảm thiểu lượng khí thải carbon trong hệ thống sản xuất thực phẩm.
- Mặc dù ngành nuôi trồng thủy sản thân thiện với khí hậu hơn nhiều ngành sản xuất protein khác, nhưng ngành cần cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm phát thải và cung cấp thực phẩm thân thiện với khí hậu.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC giảm sử dụng năng lượng và tính lượng phát thải khí nhà kính

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.11 – SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH



#### Những thay đổi quan trọng

- Bổ sung yêu cầu về báo cáo sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính (KNK) cho tất cả loài nuôi.
- Yêu cầu lập Kế hoạch quản lý hiệu quả năng lượng (EEMP) nếu các giá trị năng lượng tại trại nuôi vượt quá ngưỡng bảo tồn, với ngưỡng năng lượng đầu vào được đối sánh với tiêu chuẩn trong chăn nuôi gà - một hệ thống chăn nuôi hiệu quả về mặt năng lượng.
- Mở rộng phạm vi so sánh, từ so sánh giữa thủy sản nuôi sang so sánh giữa các hệ thống sản xuất thực phẩm.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Ngưỡng hiện tại không đặt ra giới hạn về mức độ hoạt động hiệu quả.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.12 – SỬ DỤNG VẬT LIỆU, KIỂM SOÁT CHẤT THẢI VÀ Ô NHIỄM



#### Cơ sở lý luận

- Chất thải phát sinh từ các hoạt động của ngành nuôi trồng thủy sản và có thể trở thành nguồn gây ô nhiễm.
- Tuy nhiên, chất thải có thể được tái chế thành một nguồn nguyên vật liệu có giá trị.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC ưu tiên tái chế thay vì thải bỏ chất thải, nhưng nếu buộc phải thải bỏ, cần xử lý một cách có trách nhiệm.



## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.12 – SỬ DỤNG VẬT LIỆU, KIỂM SOÁT CHẤT THẢI VÀ Ô NHIỄM



#### Những thay đổi quan trọng

- Yêu cầu lập Kế hoạch quản lý chất thải.
- Sử dụng thiết bị thu hồi nhựa tại điểm xả thải (để giải quyết tình trạng ô nhiễm rác thải đại dương).
- Giảm thiểu sử dụng nhựa dùng một lần.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Rác thải nhựa là mối quan tâm chính tại nhiều khu vực và có liên quan đến ngành nuôi trồng thủy sản.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.13 – THỨC ĂN CHĂN NUÔI



#### Cơ sở lý luận

- Trong ngành nuôi trồng thủy sản, thức ăn chăn nuôi là một trong các nguyên nhân chính gây ra tác động đến môi trường.
- Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được đề cập trong Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC; còn việc sử dụng thức ăn chăn nuôi được đề cập trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC.

#### Mục đích

- Trại nuôi sử dụng thức ăn chăn nuôi được sản xuất có trách nhiệm và quản lý chế độ ăn hiệu quả để tối ưu hóa nguồn tài nguyên sử dụng.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.13 – THỨC ĂN CHĂN NUÔI



#### Những thay đổi quan trọng

- Giá trị hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi (FFDR) giữ nguyên không đổi so với các tiêu chuẩn hiện hành.
- Yêu cầu công bố minh bạch về vật liệu biến đổi gen được áp dụng cho tất cả thức ăn chăn nuôi của tất cả loài nuôi.
- Cấm sử dụng thức ăn chăn nuôi dạng ướt/ẩm.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Cho phép sử dụng rong biển cho một số loài nuôi (ví dụ: bào ngư và thân mềm hai mảnh vỏ).

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.14 – SỨC KHỎE VÀ AN SINH CÁ



#### Cơ sở lý luận

- Cải thiện sức khỏe và an sinh cá để ngăn ngừa dịch bệnh là ưu tiên hàng đầu của ngành nuôi trồng thủy sản trên toàn thế giới.
- Sức khỏe và an sinh là hai khái niệm bổ sung cho nhau, nhưng nhìn chung đều hướng đến cùng một mục tiêu.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC cải thiện sức khỏe cá qua các biện pháp quản lý và chăm sóc tốt.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.14 – SỨC KHỎE VÀ AN SINH CÁ



#### Những thay đổi quan trọng

- Lập Kế hoạch quản lý sức khỏe cá theo điểm nuôi, áp dụng cho tất cả loài nuôi.
- Sử dụng vaccine để phòng ngừa bệnh nếu bệnh có thể phòng ngừa bằng vaccine.
- Yêu cầu có sự giám sát kiểm tra của bác sĩ thú y.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Các yêu cầu về an sinh cá sẽ được bổ sung vào tiêu chí này thông qua một quá trình phát triển tiêu chuẩn riêng.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.15 – KIỂM SOÁT KÝ SINH TRÙNG



#### Cơ sở lý luận

- Ký sinh trùng trong các trại nuôi có thể gây hại cho vật nuôi và động vật hoang dã.
- Hoạt động của trại nuôi có thể làm trầm trọng thêm tình trạng nhiễm ký sinh trùng trong khu vực, nhưng tình trạng này có thể được quản lý chặt chẽ.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC giảm thiểu số lượng và độc lực ký sinh trùng tại trại nuôi và rủi ro lây lan lượng ký sinh trùng từ trại nuôi ra môi trường rộng hơn.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.15 – KIỂM SOÁT KÝ SINH TRÙNG



#### Những thay đổi quan trọng

- Triển khai Kế hoạch quản lý ký sinh trùng tổng hợp (IPMP).
- Yêu cầu xét nghiệm độ nhạy cảm của thuốc trước mỗi lần điều trị.
- Đảm bảo tuân thủ Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) tại thời điểm thu hoạch.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.15 – KIỂM SOÁT KÝ SINH TRÙNG / PHẦN RẬN BIỂN



#### Những thay đổi quan trọng đối với *rận biển*

- Tiếp tục xây dựng các quy định về thời kỳ nhạy cảm và rận biển *Lepeophtheirus salmonis*. Bổ sung thêm yêu cầu báo cáo công khai việc xuất hiện rận biển *Caligus* tại trại nuôi ở British Columbia, BC, Canada.
- Yêu cầu về quy trình lấy mẫu rận biển.
- Thiết lập ngưỡng nhiễm rận biển tối đa theo từng khu vực và các giai đoạn nhạy cảm.
- Hậu quả và yêu cầu về biện pháp khắc phục trong trường hợp trại nuôi vượt ngưỡng tối đa hiện đã được quy định rõ ràng trong tiêu chuẩn:
  - Trại nuôi không tuân thủ tiêu chuẩn ASC là trại nuôi không duy trì mức độ rận biển dưới ngưỡng;
  - Trại nuôi cần thông báo cho CAB về tình trạng vượt ngưỡng;
  - Nếu trại nuôi không giảm được mức nhiễm rận biển xuống dưới ngưỡng trong một thời hạn nhất định (chưa xác định), trại nuôi sẽ không được phép bán cá có chứng nhận ASC.



## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.16 – THUỐC KHÁNG SINH VÀ CÁC THUỐC THÚ Y KHÁC



#### Cơ sở lý luận

- Việc sử dụng kháng sinh gây ra lo ngại về khả năng kháng thuốc, đặc biệt là đối với thú y và y học người.
- Thuốc kháng sinh thường là giải pháp duy nhất để chữa trị bệnh.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC sử dụng thuốc kháng sinh và các thuốc thú y khác một cách có trách nhiệm, trên tinh thần giảm thiểu tình trạng kháng kháng sinh.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.16 – THUỐC KHÁNG SINH VÀ CÁC THUỐC THÚ Y KHÁC



#### Những thay đổi quan trọng

- Tôm được dán nhãn ASC không được điều trị bằng bất kỳ loại thuốc kháng sinh nào.
- Có thể sử dụng ‘thuốc kháng sinh quan trọng’, nhưng sản phẩm này không được bán với nhãn ASC.
- Giảm dần số lần điều trị bằng thuốc kháng sinh và lượng kháng sinh sử dụng.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- ‘Thuốc kháng sinh quan trọng’ đôi khi là giải pháp duy nhất được phép sử dụng hoặc giải pháp duy nhất có hiệu quả; tuy nhiên các sản phẩm dán nhãn ASC không được xử lý bằng các loại thuốc kháng sinh này.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.17 – TRẠI GIỐNG VÀ ĐIỂM NUÔI TRUNG GIAN



#### Cơ sở lý luận

- Tác động của ngành nuôi trồng thủy sản có thể xuất hiện trong mọi giai đoạn phát triển của vật nuôi (từ trứng cho đến khi thành thương phẩm).
- ASC hướng tới việc xây dựng một chương trình toàn diện để bao quát hết tất cả tác động.

#### Mục đích

- Sản phẩm đạt chứng nhận ASC phải giảm thiểu tác động trong toàn bộ vòng đời.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.17 – TRẠI GIỐNG VÀ ĐIỂM NUÔI TRUNG GIAN



#### Những thay đổi quan trọng

- Các tiêu chuẩn ASC hiện hành không tiếp cận chủ đề về trại giống và điểm nuôi một cách nhất quán. Trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC, trại giống và điểm nuôi trung gian được xem là nhà cung cấp.
- Tiêu chuẩn đưa ra các yêu cầu liên quan đến nhà cung cấp và trại nuôi được cấp chứng nhận ASC có trách nhiệm xác minh tính tuân thủ của nhà cung cấp (Due Diligence).
- Nếu cần, đánh giá viên của bên thứ ba có thể thực hiện đánh giá tại chỗ.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- ASC cần thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan về tính khả thi của quy định này để xây dựng hoàn chỉnh quy định trong bản dự thảo cuối cùng.
- Mục đích là nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa việc áp dụng nhất quán các yêu cầu, nhu cầu công nhận và chi phí thực hiện.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.18 – QUẢN LÝ THEO VÙNG



#### Cơ sở lý luận

- Trại nuôi thường phụ thuộc vào, hoặc tác động đến, nguồn tài nguyên chung; đồng thời dễ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trong khu vực.
- Quản lý vùng theo quy mô lớn có thể gặp nhiều khó khăn, nhưng các bên cần chia sẻ thông tin để có thể đưa ra các biện pháp hiệu quả.

#### Mục đích

- Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC phải tích cực chia sẻ thông tin về dịch bệnh cho các trại nuôi lân cận.

## Nguyên tắc 2

### TIÊU CHÍ 2.18 – QUẢN LÝ THEO VÙNG



#### Những thay đổi quan trọng

- Các yêu cầu hiện hành đối với loài nuôi không có sự thay đổi lớn; trại nuôi cần chia sẻ thông tin về dịch bệnh cho các trại nuôi lân cận để vùng được quản lý hiệu quả.
- Đối với trại nuôi loài thân mềm hai mảnh vỏ, cách tính tỷ lệ lọc nước vẫn được giữ nguyên.

## Nguyên tắc 3

## (UOC) HOẠT ĐỘNG MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI



### Ý nghĩa của nguyên tắc

Ngành nuôi trồng thủy sản, bao gồm cả bên cung cấp và bên chế biến, đã mang đến thực phẩm, việc làm và thu nhập cho hàng triệu người trên toàn thế giới. Ngành có nhu cầu rất cao về nhân lực, đặc biệt ở trại nuôi và cơ sở chế biến. Hầu hết lao động của ngành tập trung tại các quốc gia đang phát triển.

Kết quả dự kiến của **Nguyên tắc 3** là các cơ sở được cấp chứng nhận ASC sẽ hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội, tức là đảm bảo:

- Mọi người đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính và được trao cơ hội như nhau
- Quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động được bảo vệ
- Người lao động được tạo điều kiện làm việc và sinh hoạt hợp lý
- Cơ sở được cấp chứng nhận tương tác tích cực với cộng đồng xung quanh và cộng đồng bản địa

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ



	Tiêu chí	Thông tin liên hệ
3.1	Nhận thức về quyền	Clare Stevens <a href="mailto:clare.stevens@asc-aqua.org">clare.stevens@asc-aqua.org</a>
3.2	Lao động bắt buộc, lao động trù nợ, lao động cưỡng bức và buôn bán người	
3.3	Lao động trẻ em	
3.4	Phân biệt đối xử	
3.5	Sức khỏe và an toàn	
3.6	Thương lượng tập thể và quyền tự do hiệp hội	
3.7	Hợp đồng minh bạch	
3.8	Tiền lương	
3.9	Giờ làm việc	
3.10	Phản hồi về hành vi tại nơi làm việc	
3.11	Chỗ ở cho người lao động	
3.12	Cơ chế khiếu nại	
3.13	Tương tác với cộng đồng	



## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.1 – NHẬN THỨC VỀ QUYỀN



#### Cơ sở lý luận

- Tiêu chí 3.1 bao quát các vấn đề quan trọng về quyền con người, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và thành viên trong cộng đồng xung quanh được bảo vệ đúng theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR).

#### Mục đích

- Trại nuôi phải bảo vệ quyền con người của tất cả nhân viên.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.1 – NHẬN THỨC VỀ QUYỀN



#### Những thay đổi quan trọng

- Đề cập nhận thức về quyền trong một tiêu chí riêng.
- Yêu cầu xây dựng chính sách về quyền con người như một chính sách riêng (tuân thủ SSCI), triển khai các tuyên bố về quyền con người và tổ chức đào tạo.
- Bổ sung quy định về xét nghiệm y tế.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Quy định 3.1.5 – 3.1.8 về xét nghiệm y tế: liệu các quy định này có cho phép UoC tiến hành xét nghiệm y tế, trong khi họ có thể chưa từng cân nhắc việc này trước đây?
- Quy định liên quan đến cơ quan tham gia tuyển dụng – liệu có bất kỳ lý do chính đáng nào mà xét nghiệm y tế cần được bổ sung vào quy trình tuyển dụng không?

## Nguyên tắc 3

## TIÊU CHÍ 3.2 – LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC, LAO ĐỘNG TRỪ NỢ, LAO ĐỘNG BẮT BUỘC VÀ BUÔN BÁN NGƯỜI



### Cơ sở lý luận

- Lao động cưỡng bức, lao động trừ nợ, lao động bắt buộc và buôn bán người là một vấn đề dai dẳng tồn tại trong nhiều ngành và khu vực trên thế giới. Ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản cũng không ngoại lệ.
- Tiêu chí nghiêm cấm lao động cưỡng bức và lao động trừ nợ, yêu cầu triển khai các biện pháp khắc phục hiệu quả nếu phát hiện có tình trạng trên.

### Mục đích

- Trại nuôi ngăn chặn và không tham gia, hoặc góp phần vào tình trạng lao động cưỡng bức, lao động trừ nợ, lao động bắt buộc hoặc buôn bán người. Nếu phát hiện bất kỳ vấn đề nào liên quan đến tình trạng trên, thì trại nuôi phải thực hiện các biện pháp khắc phục hiệu quả.

## Nguyên tắc 3

## TIÊU CHÍ 3.2 – LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC, LAO ĐỘNG TRỪ NỢ, LAO ĐỘNG BẮT BUỘC VÀ BUÔN BÁN NGƯỜI



### Những thay đổi quan trọng

- Bổ sung yêu cầu về biện pháp khắc phục.
- Bổ sung quy định hướng dẫn trại nuôi triển khai Khung quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro xảy ra lao động cưỡng bức.

### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Bổ sung khung thời gian tham chiếu để đảm bảo biện pháp khắc phục được triển khai nhanh nhưng vẫn phù hợp với tính phức tạp của biện pháp.



## Cơ sở lý luận

- Việc bóc lột và sử dụng lao động trẻ em xảy ra trên toàn cầu và trong nhiều (nếu không nói là tất cả) ngành.
- Tiêu chí này tập trung vào việc ngăn chặn tình trạng sử dụng lao động trẻ em, tạo điều kiện làm việc an toàn cho lao động vị thành niên và có biện pháp khắc phục hiệu quả nếu phát hiện bất kỳ trường hợp lao động trẻ em nào.

## Mục đích

- Trại nuôi đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em. Nếu phát hiện có tình trạng lao động trẻ em, thì trại nuôi phải thực hiện các biện pháp khắc phục hiệu quả.



### Những thay đổi quan trọng

- Bổ sung yêu cầu triển khai các biện pháp khắc phục nếu phát hiện tình trạng lao động trẻ em.
- Bổ sung quy định hướng dẫn trại nuôi triển khai Khung quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro xảy ra lao động trẻ em.

### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Bổ sung khung thời gian tham chiếu để đảm bảo biện pháp khắc phục được triển khai nhanh nhưng vẫn phù hợp với tính phức tạp của biện pháp.
- Rủi ro rằng tiêu chuẩn đang khuyến khích trẻ em làm việc khi bổ sung quy định của ILO về việc cho phép trẻ em trên 13 tuổi làm các công việc nhẹ. Tiêu chuẩn cho phép trẻ em từ 13 tuổi làm các công việc nhẹ.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.4 – PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ



#### Cơ sở lý luận

- Phân biệt đối xử là một vấn đề toàn cầu và phổ biến.
- Chấm dứt nạn phân biệt đối xử tại nơi làm việc là một trong các ưu tiên hàng đầu của tiêu chuẩn ASC.

#### Mục đích

- Trại nuôi phải đối xử bình đẳng và trao cơ hội như nhau cho tất cả nhân viên và ứng viên tìm việc.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.4 – PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ



#### Những thay đổi quan trọng

- Yêu cầu xét nghiệm y tế đã chuyển qua tiêu chí 3.1 – Nhận thức về quyền.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Phân biệt đối xử là một vấn đề phức tạp và ASC đang xem xét liệu có nên bổ sung các chủ đề như phân biệt đối xử tích cực và các yêu cầu liên quan vào Tiêu chuẩn trại nuôi ASC hay không.





### Cơ sở lý luận

- Một trong các quyền cơ bản của người lao động là họ phải được bảo vệ tại nơi làm việc, và quyền này phải được thống nhất rộng rãi.
- ASC nỗ lực đảm bảo trại nuôi được cấp chứng nhận ASC cung cấp cho nhân viên một môi trường làm việc lành mạnh và an toàn.

### Mục đích

- Trại nuôi cung cấp một môi trường làm việc và nơi làm việc lành mạnh và an toàn.



## Những thay đổi quan trọng

- Quy định được bổ sung cho một số nội dung mới.
- Bổ sung quy định về Khung quản lý rủi ro, tạo điều kiện cho trại nuôi quản lý các rủi ro về sức khỏe và an toàn một cách toàn diện .

## Nội dung quan trọng cần xem xét

- Quy định 3.5.8 về việc trại nuôi phải mua bảo hiểm cho nhân viên có thể không khả thi trong một số trường hợp. Cần đánh giá thêm về quy định này.

## Nguyên tắc 3

## TIÊU CHÍ 3.6 – THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ VÀ QUYỀN TỰ DO HIỆP HỘI



### Cơ sở lý luận

- Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là các nguyên tắc cốt lõi Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động.
- Các quyền trên đảm bảo cán cân quyền lực trở nên cân bằng hơn, nhằm giải quyết xung đột giữa người lao động và người sử dụng lao động về các vấn đề như tiền lương và điều kiện làm việc.

### Mục đích

- Trại nuôi cho phép và tạo điều kiện để nhân viên tham gia vào thương lượng tập thể, đồng thời đảm bảo quyền tự do hiệp hội của nhân viên.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.7 – HỢP ĐỒNG MINH BẠCH



#### Cơ sở lý luận

- Hợp đồng lao động bao gồm các điều khoản và điều kiện lao động, tập trung chính vào các khía cạnh quan trọng của mối quan hệ lao động, nhằm cung cấp thông tin rõ ràng, gây dựng lòng tin, đồng thời đảm bảo và bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia.
- Tiêu chí này đảm bảo người lao động hiểu rõ điều khoản và điều kiện trong hợp đồng lao động.
- Tiêu chí này còn góp phần làm tăng tính minh bạch và củng cố trách nhiệm giải trình.

#### Mục đích

- Trại nuôi đảm bảo nhân viên được ký hợp đồng hiểu rõ các điều khoản trong hợp đồng.



## Những thay đổi quan trọng

- Tách riêng quy định về hợp đồng gia đình và hợp đồng giả đào tạo nghề để nêu rõ hai loại hợp đồng này là không được phép.
- Nêu rõ chỉ cho phép ký kết hợp đồng chỉ sử dụng lao động, hợp đồng phụ hoặc hợp đồng làm việc tại nhà trong một số trường hợp nhất định.
- Bổ sung yêu cầu trại nuôi phải đảm bảo người lao động đều nhận được, hiểu được và đồng ý với các điều khoản và điều kiện nêu trong hợp đồng trước khi nhập cư sang để làm việc.

## Nội dung quan trọng cần xem xét

- Tính khả thi và tính áp dụng của quy định 3.7.1 vẫn đang được cân nhắc.
- Tiêu chuẩn hạn chế việc giao kết hợp đồng chỉ sử dụng lao động và hợp đồng phụ, ASC đang nghiên cứu liệu có trường hợp nào mà hai loại hợp đồng này là phù hợp hay không.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.8 – TIỀN LƯƠNG



#### Cơ sở lý luận

- Tất cả người lao động xứng đáng nhận được mức lương tương xứng với những nỗ lực làm việc của họ, tiền lương phải được tính dựa trên một cơ chế minh bạch và được ban giám đốc đảm bảo.
- Việc trả cho người lao động một mức lương thấp chỉ làm trầm trọng hơn tình trạng đói nghèo, bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và làm gia tăng chi phí xã hội.
- Trại nuôi phải chi trả cho nhân viên một mức lương hợp lý, một cách minh bạch, để góp phần xóa đói giảm nghèo.

#### Mục đích

- Trại nuôi trả cho nhân viên mức lương bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu do luật định, hoặc nếu không có quy định về mức lương tối thiểu, bằng hoặc cao hơn mức lương cần để đáp ứng nhu cầu cơ bản, cần tham khảo ý kiến của nhân viên để tính mức lương cơ bản này.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.8 – TIỀN LƯƠNG



## Nội dung quan trọng cần xem xét

- ASC hiện đang tham gia vào các buổi thảo luận đa ngành nhằm xây dựng quy định về mức lương đủ sống. Quy định này phù hợp với mục đích được đề ra trong Đối thoại nuôi trồng thủy sản. Rất có thể quy định về mức lương đủ sống sẽ được bổ sung vào Tiêu chuẩn trại nuôi ASC trong tương lai.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.9 – GIỜ LÀM VIỆC



## Cơ sở lý luận

- Được hưởng sự hạn định hợp lý về số giờ làm việc đã được tuyên bố là một quyền con người.
- Thời gian làm việc quá dài vẫn còn là một vấn đề gây nhức nhối tại nhiều ngành nghề và khu vực.
- Tiêu chuẩn ASC đề ra quy định về số giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi trong ngày và trong tuần và các ngày nghỉ phép năm. Các quy định này sẽ giúp tăng năng suất lao động, đồng thời bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động.

## Mục đích

- Trại nuôi phải bảo vệ nhân viên, tránh để họ làm việc quá mức.





## Những thay đổi quan trọng

- Bổ sung quy định về số giờ làm việc của lao động vị thành niên và trẻ em – trẻ em trong trường hợp này là trẻ em được phép làm các công việc nhẹ.
- Bổ sung các mục dành riêng cho từng nhóm tuổi
- Bổ sung thêm các yêu cầu về thời gian nghỉ giải lao, thời gian nghỉ trong ngày/tuần, và thời gian nghỉ phép năm.

## Nội dung quan trọng cần xem xét

- Bổ sung quy định về số giờ làm việc của lao động vị thành niên và trẻ em – trẻ em trong trường hợp này là trẻ em được phép làm các công việc nhẹ. Các quy định này phù hợp với ILO, nhưng đây là lần đầu tiên ASC đề cập các quy định này một cách chi tiết.
- Hiểu hơn về nhu cầu làm ngoài giờ của người lao động, liệu việc làm ngoài giờ thường xuyên có được phép trong một số trường hợp nhất định hay không.

## Nguyên tắc 3

## TIÊU CHÍ 3.10 – PHẢN HỒI VỀ HÀNH VI TẠI NƠI LÀM VIỆC



### Cơ sở lý luận

- Việc triển khai các quy trình giải quyết vấn đề liên quan đến hiệu suất làm việc sẽ giúp tạo môi trường làm việc tích cực.
- Xây dựng và thực hiện một quy trình cải thiện năng suất làm việc hiệu quả là một nhiệm vụ quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực có trách nhiệm.

### Mục đích

- Trại nuôi xử lý hành vi vi phạm nội quy theo hướng tôn trọng nhân phẩm và đảm bảo sức khỏe cho nhân viên.

### Những thay đổi quan trọng

- Thay đổi tiêu đề từ Kỷ luật thành Phản hồi về hành vi tại nơi làm việc.
- Đề ra cách tiếp cận tích cực hơn trong quy trình cải thiện năng suất làm việc, đặc biệt các quy trình không nhất thiết phải liên quan đến việc kỷ luật,

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.11 – CHỖ Ở CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



#### Cơ sở lý luận

- Theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) của Liên hợp quốc, ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan (bao gồm cả nhà ở) về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình.
- Trong ngành nuôi trồng thủy sản, chỗ làm việc thường ở xa khu dân cư hoặc ở nơi mà người lao động không thể dễ dàng đến từ chỗ ở giữa các ca làm việc.

#### Mục đích

- Đảm bảo chỗ ở cho người lao động phải an toàn, thoáng mát và hợp vệ sinh.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.11 – CHỖ Ở CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



#### Những thay đổi quan trọng

- Không có thay đổi nào quan trọng trong tiêu chí này.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- Có cần nêu rõ thể nào là ‘thiết bị vệ sinh’ hay không?
- Các thiết bị nào thì nên được xem là thiết bị vệ sinh?



### Cơ sở lý luận

- Khiếu nại và xung đột là một phần không thể tránh khỏi trong bất kỳ mối quan hệ lao động nào
- Nếu không được giải quyết, có thể làm giảm tinh thần và năng suất làm việc, trong các trường hợp nghiêm trọng hơn, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.
- Cơ chế khiếu nại là cơ chế cho phép người lao động và người sử dụng lao động giải quyết các vấn đề tại nơi làm việc một cách hiệu quả.

### Mục đích

- Trại nuôi cần tăng cường đối thoại để hạn chế tranh cãi và xây dựng cơ chế khiếu nại mà mọi nhân viên đều có thể sử dụng, nhằm giải quyết khiếu nại của nhân viên.

### Những thay đổi quan trọng

- Các bước trong cơ chế khiếu nại được chuyển thành một phụ lục riêng để tiêu chí trở nên đơn giản hơn.



## Cơ sở lý luận

- Hoạt động của ngành nuôi trồng thủy sản thường là một trong các dạng thức kinh tế quan trọng nhất của cộng đồng (thường cộng đồng ở vùng sâu vùng xa).
- Hoạt động của trại nuôi và xung đột lợi ích giữa hoạt động của ngành nuôi trồng thủy sản và cộng đồng bị ảnh hưởng có thể làm gia tăng căng thẳng với các bên liên quan.
- Các doanh nghiệp có thể thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương, bao gồm cả bộ lạc và dân tộc bản địa, vào trong các dự án kinh doanh với tư cách là chủ sở hữu, nhà cung cấp, nhà thầu và người lao động.

## Mục đích

- Trại nuôi phải ý thức được tác động do trại nuôi gây ra đối với cộng đồng, thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác động tiêu cực và tương tác với cộng đồng theo tinh thần cầu thị.

## Nguyên tắc 3

### TIÊU CHÍ 3.13 – TƯƠNG TÁC VỚI CỘNG ĐỒNG



#### Những thay đổi quan trọng

- ASC gộp hai tiêu chí riêng về cộng đồng và bộ lạc & dân tộc bản địa thành một.
- Quy định mới hướng dẫn trại nuôi triển khai Khung quản lý rủi ro để giảm thiểu rủi ro gây ra tác động tiêu cực đến cộng đồng.

#### Nội dung quan trọng cần xem xét

- ASC hiện chưa đưa vào tiêu chuẩn các quy định và quy trình nghiêm ngặt về FPIC, mặc dù Khung quản lý rủi ro có đề cập một số yếu tố liên quan.

# PHỤ LỤC



1	• HIỆU SUẤT NUÔI TRỒNG THEO LOÀI	Katherine Dolmage	Criteria lead
2	• GHI CHÉP VÀ NỘP DỮ LIỆU	Jill Swasey	
3	• KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO (RMF)	Clare Stevens	
4	• YÊU CẦU LAO ĐỘNG	Clare Stevens	
5	• DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA	All	
6	• ĐỘ THẨM CỦA ĐẤT	Renee Hamel	
7	• PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU ĐỒNG	Javier Unibazo	





## Cơ sở lý luận

- Làm tăng tính minh bạch và uy tín của ASC.
- Sử dụng trong giám sát tác động, xây dựng tiêu chuẩn, đẩy mạnh quy trình đánh giá và nghiên cứu rủi ro

## Mục đích

- Cải thiện chất lượng và phạm vi của báo cáo, đồng thời chuẩn hóa báo cáo.



## Nội dung

- Yêu cầu trại nuôi báo cáo dữ liệu liên quan đến tính minh bạch và hiệu suất nuôi trồng cho ASC.
- Phân loại dữ liệu, tần suất gửi báo cáo, cơ chế báo cáo.

## Đặc điểm

- Dữ liệu sẽ do (i) trại nuôi hoặc (ii) UoC gửi đi thông qua webportal Chainpoint.
- Siêu dữ liệu cần được gửi kèm dữ liệu về hiệu suất nuôi trồng để cung cấp ngữ cảnh và hỗ trợ xử lý dữ liệu.
- Dữ liệu đã được chuẩn hóa sẽ được gửi đi qua mẫu báo cáo/cổng thông tin/digital data-push (đây đều là những kênh cho phép thu thập và gửi dữ liệu một cách dễ dàng).



## Khái niệm

- ASC đang phát triển Khung quản lý rủi ro (RMF) để cung cấp cho trại nuôi quy trình rõ ràng và nhất quán trong việc đánh giá và giám sát rủi ro, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn.

## Phạm vi

- Tác động đến cộng đồng
- Tác động đến môi trường
- Sức khỏe và an toàn của người lao động
- Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức



## Tiêu chí áp dụng

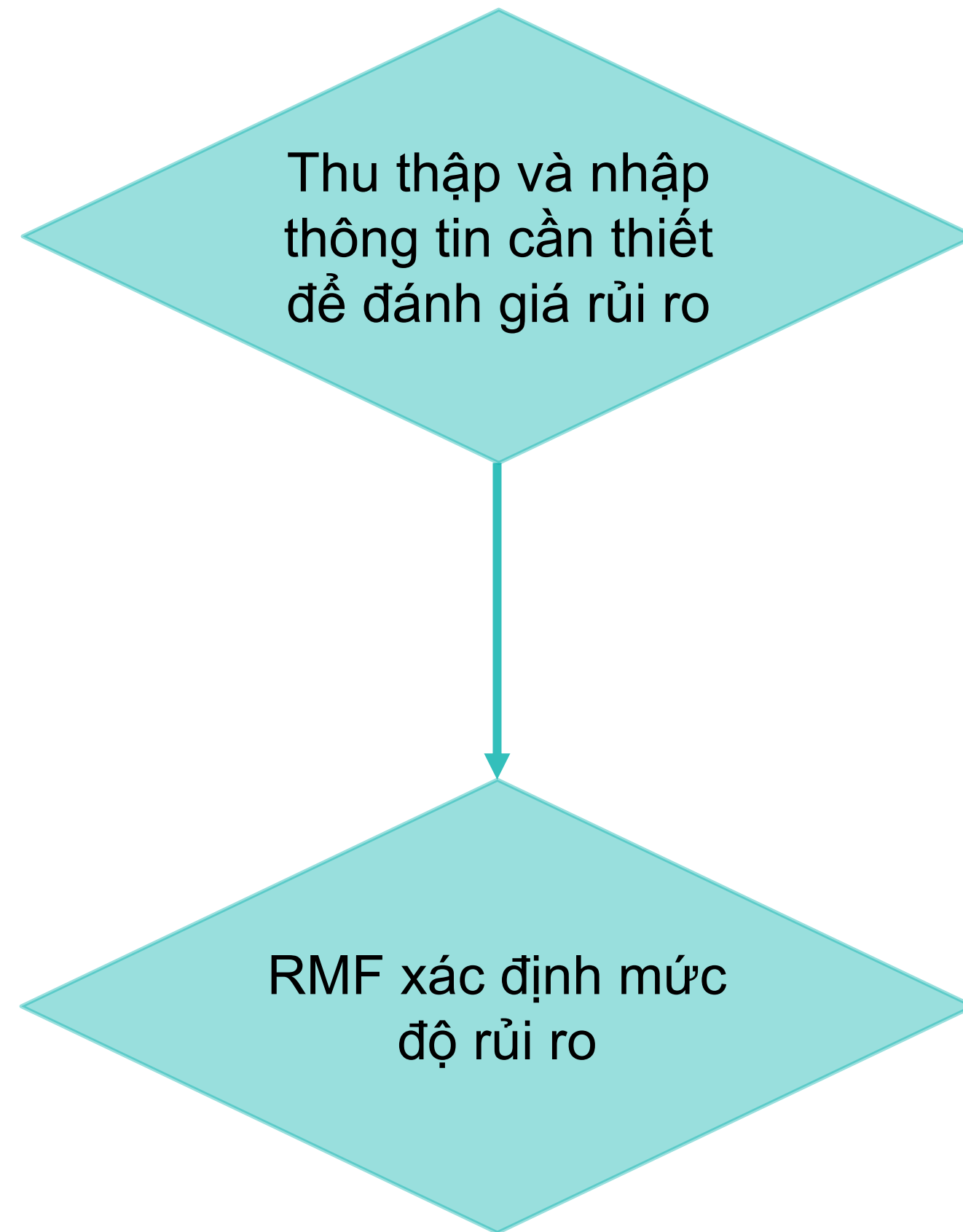
- Tiêu chí 2.2 – Môi trường sống quan trọng về mặt sinh thái
- Tiêu chí 2.3 – Tương tác với động vật hoang dã
- Tiêu chí 2.4 – Loài ngoại lai
- Tiêu chí 2.5 – Xổng thoát
- Tiêu chí 2.8 – Xâm nhập mặn
- Tiêu chí 2.10 – Sử dụng nước ngọt
- Tiêu chí 3.2 – Lao động cưỡng bức, lao động trù nợ, lao động bắt buộc và buôn bán người.
- Tiêu chí 3.3 – Lao động trẻ em
- Tiêu chí 3.5 – Sức khỏe và an toàn
- Tiêu chí 3.13 – Tương tác với cộng đồng



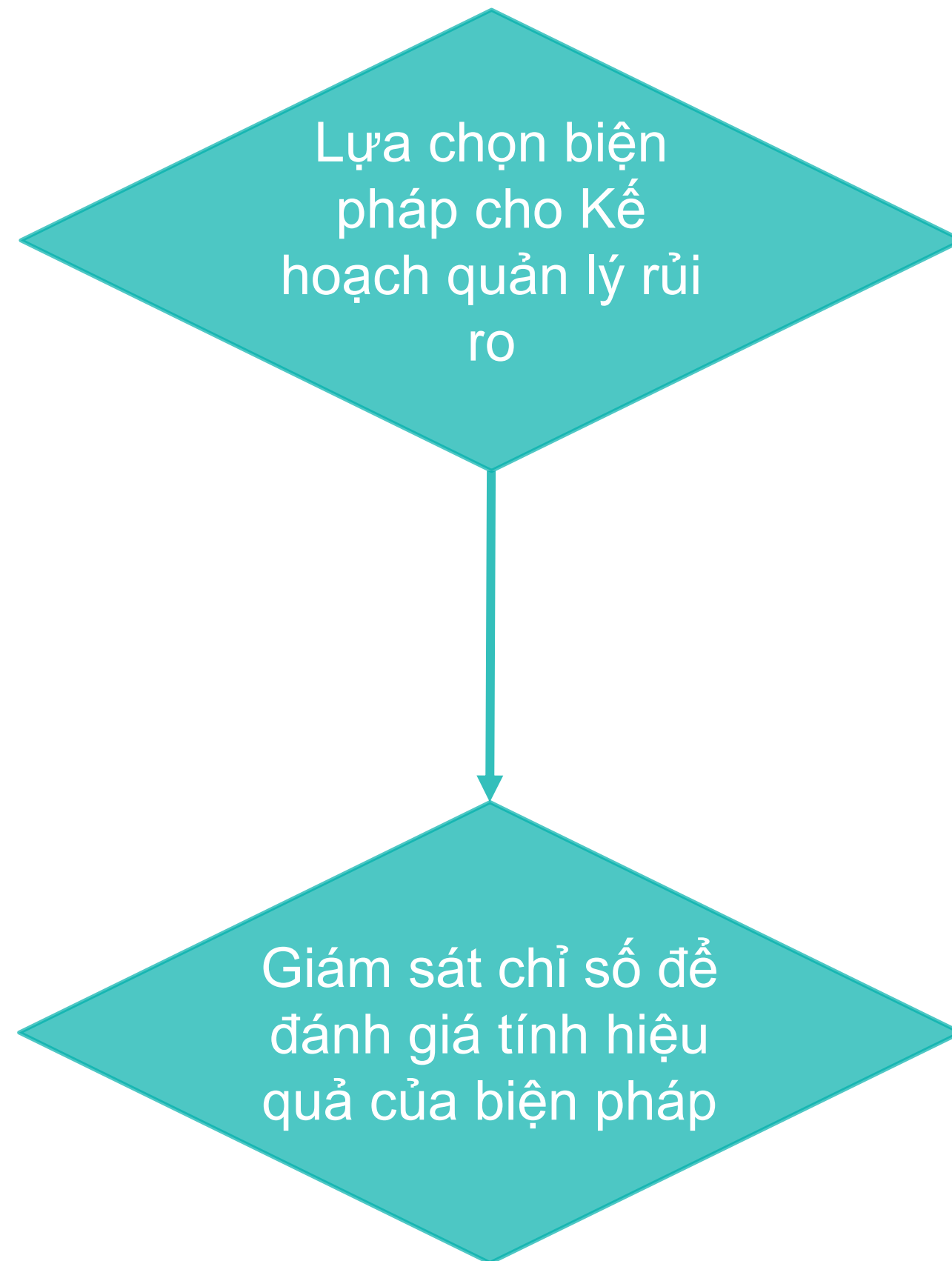
Đăng nhập vào  
RMF, tạo hồ sơ cho  
trại nuôi

Nêu cụ thể tình  
hình tại trại nuôi

- Quản lý rủi ro là một quá trình mà rủi ro trong các vùng quan trọng được xác định thông qua đánh giá.
- RMF cung cấp một công cụ quản lý linh hoạt, giúp trại nuôi nhận thức rõ hơn về các rủi ro tại trại nuôi.
- Trại nuôi sử dụng công cụ qua một ứng dụng (ứng dụng sẽ cung cấp hướng dẫn rõ ràng về cách nhập thông tin).
- Trại nuôi hiểu hơn về tình hình thực tế tại trại nuôi thông qua các rủi ro xã hội và môi trường.



- RMF cung cấp các thông tin cần thiết để trại nuôi có thể ra quyết định đúng đắn hơn.
- Trại nuôi sẽ sử dụng công cụ để xác định rủi ro dựa trên các yếu tố gây rủi ro được xác định từ trước – đây là các yếu tố có liên quan đến hoạt động và vị trí của trại nuôi. Bên cạnh đó, trại nuôi còn sử dụng công cụ này để cung cấp bằng chứng thông qua đánh giá.
- Trại nuôi cung cấp thông tin vào trong hồ sơ của trại nuôi để xác định tác động chính của trại nuôi lên xã hội và môi trường.
- Khung quản lý rủi ro sẽ đánh giá thông tin và cho biết mức độ rủi ro của từng yếu tố gây rủi ro.



- Dựa trên mức độ rủi ro mà công cụ cung cấp, trại nuôi sẽ xây dựng các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro có mức độ trung bình và cao.
- Các biện pháp này trở thành một phần của Kế hoạch quản lý rủi ro.
- Trại nuôi cần xây dựng các chỉ số để đánh giá tính hiệu quả của biện pháp.



Xác định, giám sát  
và xem xét Kế  
hoạch quản lý rủi  
ro

RMF cung cấp  
báo cáo cho đánh  
giá viên của trại  
nuôi

- Kết quả đánh giá từ RMF cần được hiện thực hóa qua Kế hoạch quản lý rủi ro, cùng một kế hoạch giám sát tính hiệu quả của biện pháp khắc phục.
- Các cơ quan đánh giá sẽ có quyền truy cập vào báo cáo và đánh giá của trại nuôi trong quá trình đánh giá trại nuôi.
- Các mục liên quan đến RMF được mô tả trong các quy định Đánh giá, Lên kế hoạch và Triển khai của tiêu chuẩn.





**CHÂN THÀNH CẢM ƠN!**

